

**Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 9 năm 2020**

**Mẫu B 01a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/9/2020 VND</b>	<b>1/1/2020 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> <b>(100 = 110 + 130 + 140 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>37.864.323.808</b>	<b>54.455.172.431</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>8</b>	<b>19.979.386.945</b>	<b>28.563.864.067</b>
Tiền	111		11.979.386.945	10.563.864.067
Các khoản tương đương tiền	112		8.000.000.000	18.000.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>14.029.295.107</b>	<b>14.636.090.488</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	9	13.230.295.107	9.383.028.818
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		22.000.000	3.171.872.770
Phải thu ngắn hạn khác	136	10	777.000.000	2.081.188.900
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>178.338.000</b>	<b>267.942.000</b>
Hàng tồn kho	141		178.338.000	267.942.000
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.677.303.756</b>	<b>10.987.275.876</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		801.564.845	510.423.379
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.875.738.911	10.476.852.497
<b>Tài sản dài hạn</b> <b>(200 = 220 + 240 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>264.325.908.585</b>	<b>277.776.033.484</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>138.934.637.922</b>	<b>149.626.533.743</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	11	138.780.481.141	149.195.521.790
Nguyên giá	222		200.400.724.663	193.813.327.176
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(61.620.243.522)	(44.617.805.386)
Tài sản cố định vô hình	227	12	154.156.781	431.011.953
Nguyên giá	228		1.121.382.459	1.121.382.459
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(967.225.678)	(690.370.506)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	-	-
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>125.391.270.663</b>	<b>128.149.499.741</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	125.391.270.663	128.149.499.741
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>302.190.232.393</b>	<b>332.231.205.915</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này*

**Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 9 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 01a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/9/2020 VND	1/1/2020 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>82.312.488.112</b>	<b>129.969.459.038</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>37.742.117.741</b>	<b>53.735.376.045</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	11.284.698.958	10.054.115.948
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		41.184.000	44.301.000
Thuế và các khoản phải nộp				
Nhà nước	313	16	413.511.358	218.311.113
Phải trả người lao động	314		15.169.617.563	17.768.590.982
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	2.425.041.094	3.849.484.925
Phải trả ngắn hạn khác	319		245.185.694	120.084.670
Vay ngắn hạn	320	19	6.274.074.074	20.207.407.407
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	18	1.888.805.000	1.473.080.000
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>44.570.370.371</b>	<b>76.234.082.993</b>
Vay dài hạn	338	19	44.570.370.371	76.234.082.993
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>219.877.744.281</b>	<b>202.261.746.877</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>20</b>	<b>219.877.744.281</b>	<b>202.261.746.877</b>
Vốn cổ phần	411	21	121.200.000.000	121.200.000.000
- Cổ phiếu phổ thông				
có quyền biểu quyết	411a		121.200.000.000	121.200.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		66.441.746.877	38.395.122.402
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		32.235.997.404	42.666.624.475
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a			42.666.624.475
- LNST chưa phân phối kỳ này/năm nay	421b		32.235.997.404	
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>302.190.232.393</b>	<b>332.231.205.915</b>

Ngày 16 tháng 10 năm 2020

Người lập:



Nguyễn Thị Minh Lan  
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán Quý 3/2020 kết thúc ngày 30/09/2020**

**Mẫu B 02a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ quý 3 kết thúc ngày	
			30/9/2020 VND	30/9/2019 VND
<b>Doanh thu cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>22</b>	<b>45.371.915.233</b>	<b>55.539.096.573</b>
<b>Giá vốn dịch vụ cung cấp</b>	<b>11</b>		<b>27.648.853.381</b>	<b>36.297.318.854</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>17.723.061.852</b>	<b>19.241.777.719</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21		181.790.912	268.147.557
Chi phí tài chính	22		1.062.229.383	2.626.485.908
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.062.229.383	2.626.485.908
Chi phí bán hàng	25	23	5.388.096.463	2.700.331.408
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	912.458.499	998.232.306
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))</b>	<b>30</b>		<b>10.542.068.419</b>	<b>13.184.875.654</b>
Thu nhập khác	31			
Chi phí khác	32			
<b>Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>			
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>10.542.068.419</b>	<b>13.184.875.654</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>26</b>		
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)</b>	<b>60</b>		<b>10.542.068.419</b>	<b>13.184.875.654</b>
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>				
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>27</b>		

Ngày 16 tháng 10 năm 2020

Người lập:



Nguyễn Thị Minh Lan  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Hoàng Tiên Lục  
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho quý 2 năm 2020 kết thúc 30/06/2020**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ quý 3 kết thúc ngày	
			30/9/2020 VND	30/9/2019 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
Lợi nhuận trước thuế	01		10.452.068.419	13.184.875.654
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		6.602.819.317	6.480.374.260
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		181.790.912	268.147.557
Chi phí lãi vay	06		(1.062.229.383)	(2.626.485.908)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>16.264.449.265</b>	<b>17.306.911.563</b>
Biến động các khoản phải thu	09		3.154.959.347	7.524.803.065
Biến động hàng tồn kho	10		(95.841.000)	(107.280.000)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		3.762.174.534	(12.941.172.744)
Biến động chi phí trả trước	12		502.885.837	767.225.972
Tiền lãi vay đã trả	14		(15.831.856)	
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(3.188.357.748)	(1.272.685.191)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>20.384.438.379</b>	<b>11.277.802.665</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21			(8.508.213.239)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22			
Tiền thu lãi tiền gửi	27		181.790.913	268.147.557
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>181.790.913</b>	<b>(8.240.065.682)</b>



**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho quý 2 năm 2020 kết thúc 30/06/2020  
(tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Mã số	Thuyết minh	Kỳ quý 3 kết thúc ngày	
		30/9/2020 VND	30/9/2019 VND

**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		
Tiền thu từ đi vay	33		
Tiền trả nợ gốc vay	34	(37.937.786.696)	(4.026.000.000)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(11.893.200.000)	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(49.830.986.696)</b>	<b>(4.026.000.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>(29.264.757.405)</b>	<b>(988.263.017)</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	49.244.144.350	40.679.617.215
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)</b>	<b>70</b>	<b>19.979.386.945</b>	<b>39.691.354.198</b>

Ngày 16 tháng 10 năm 2020

Người lập:



Nguyễn Thị Minh Lan  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



**Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính Quý III năm 2020**  
**kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty cổ phần Đầu tư Dịch vụ và phát triển Xanh (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

**(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Công ty là xếp dỡ, nâng hạ container, sửa chữa container, đầu tư và cho thuê thiết bị.

**(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

**(d) Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2020 có 148 nhân viên (Tại ngày 01 tháng 01 năm 2020: 151 nhân viên).

**2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

#### **(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### **(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

#### **(c) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phân ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

#### **(d) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phân ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính Quý III năm 2020**  
**kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(e) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 6 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 – 7 năm
▪ thiết bị văn phòng	4 – 5 năm

**(f) Tài sản cố định vô hình**

***Phần mềm máy vi tính***

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

**(g) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(h) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 40 năm.

**Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính Quý III năm 2020**  
**kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(ii) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo các quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa 3 năm.

**(i) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(j) Vốn cổ phần**

***Cổ phiếu phổ thông***

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(k) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.



**Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính Quý III năm 2020**  
**kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(l) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(ii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(m) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(n) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(o) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Tại ngày 30 tháng 9 năm 2020 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng, do đó việc trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

**(p) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính Quý III năm 2020**  
**kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(q) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Hiện tại, Công ty đang hoạt động trên một bộ phận theo hoạt động kinh doanh là cung cấp các dịch vụ xếp dỡ, nâng hạ, và sửa chữa container và hoạt động trên một khu vực địa lý là Việt Nam.

**4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh**

Công ty không có bộ phận kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020.

**5. Các thay đổi trong ước tính kế toán**

Khi lập báo cáo tài chính hàng năm và báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Lãnh đạo Công ty thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này.

**6. Các khoản mục bất thường**

Công ty không có các khoản mục bất thường có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020.

**7. Các thay đổi trong cơ cấu của đơn vị**

Không có thay đổi trong cơ cấu của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020.

**8. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/09/2020 VND	1/7/2020 VND
Tiền mặt	1.640.146.867	1.365.876.254
Tiền gửi ngân hàng	10.339.240.078	14.878.268.096
Các khoản tương đương tiền	8.000.000.000	33.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	19.979.386.945	49.244.144.350

**Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính Quý III năm 2020**  
**kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**9. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn và khách hàng là các công ty liên quan:

	30/09/2020 VND	1/7/2020 VND
<b>Công ty mẹ</b>		
Công ty Cổ phần Container Việt Nam		-
<b>Công ty liên quan khác</b>		
Công ty Cổ phần Cảng xanh VIP	9.119.301.177	8.505.973.471
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Ngôi sao Xanh	1.207.852.250	897.120.202
Công ty TNHH MTV dịch vụ cảng Xanh	698.769.170	1.301.393.500
Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics Xanh	1.498.255.992	0
<b>Các bên thứ ba</b>		
Công ty TNHH Vận tải biển Liên Hợp	160.215.000	153.423.400
Công ty TNHH Giao nhận Vận tải Hàng hải Quốc tế	23.011.000	36.350.000
Công ty TNHH Hoi Wah Shipping Agencies (Vietnam)	213.623.350	97.619.076
Các khách hàng khác	309.267.168	172.444.638
	13.230.295.107	11.164.324.287

Các khoản phải thu thương mại từ công ty mẹ và các công ty liên quan khác không được bảo đảm, không hưởng lãi và phải thu trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**10. Phải thu ngắn hạn khác**

	30/09/2020 VND	1/7/2020 VND
Phải thu từ Công ty mẹ	-	-
Tạm ứng	748.500.000	762.500.000
Phải thu ngắn hạn khác	28.500.000	28.500.000
	770.000.000	791.000.000

## 11. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu kỳ	83.050.294.941	3.074.154.669	113.080.918.083	1.195.356.970	200.400.724.663
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang Thanh lý					
<b>Số dư cuối kỳ</b>	83.050.294.941	3.074.154.669	113.080.918.083	1.195.356.970	200.400.724.663
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu kỳ	26.367.708.878	1.587.605.049	26.429.300.387	722.767.985	55.107.382.299
Khấu hao trong kỳ Thanh lý	2.339.182.857	156.392.787	3.955.330.659	61.954.920	6.512.861.223
<b>Số dư cuối kỳ</b>	28.706.891.735	1.743.997.833	30.384.631.050	784.722.905	61.620.243.523
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu kỳ	56.682.586.063	1.486.549.620	86.651.617.696	472.588.985	145.293.342.364
Số dư cuối kỳ	54.343.403.206	1.330.156.836	82.696.287.033	410.630.065	138.780.481.140

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2020, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 138.780 triệu VND (1/7/2020: 145.293 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay dài hạn của Công ty (Thuyết minh 18).

Công ty TNHH Bảo Hiểm Nhân thọ Việt Nam  
 Trụ sở chính: Tầng 10, Tòa nhà Ngân hàng (B) số 100  
 Nguyễn Huệ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**Số 0 996 - 00**

Báo cáo tài chính tháng 12 năm 2017 và 12 tháng đầu năm 2018  
 ngày 15/12/2018 và từ 1/1/2018

**12. Tài sản cố định và无形**

	Phân tích năm 12/2017 (VNĐ)
<b>Nguyên giá</b>	
Nhà máy (t)	5.120.182.678
Chi phí để xây dựng cơ bản để dùng	
Nhà máy (t)	5.120.182.678
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Nhà máy (t)	677.267.186
Chi phí hao trong t)	89.718.996
Nhà máy (t)	767.220.678
<b>Giá trị còn lại</b>	
Nhà máy (t)	546.114.875
Nhà máy (t)	128.156.781



**Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính Quý III năm 2020**  
**kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**13. Chi phí trả trước dài hạn**

	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	125.612.976.100	513.922.969	174.500.785	126.301.399.854
Tăng trong kỳ		36.000.000	139.312.000	175.312.000
Phân bổ trong kỳ	(848.736.325)	(170.838.390)	(65.866.476)	(1.085.441.191)
Số dư cuối kỳ	124.764.239.775	379.084.579	247.946.309	125.391.270.663

#### 14. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo nhà cung cấp lớn và nhà cung cấp là các công ty liên quan:

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ 30/9/2020 VND	1/7/2020 VND
<b>Công ty mẹ</b>		
Công ty Cổ phần Container Việt Nam	7.503.093.605	4.310.119.628
<b>Các công ty liên quan khác</b>		
Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh	-	724.518.337
<b>Các bên thứ ba</b>		
Công ty Cổ phần Ô tô Thăng Long	-	242.649.000
Công ty TNHH Vật tư Trường Thành	285.881.222	422.464.900
Công ty TNHH Thương mại Huyền Yến	892.375.000	695.750.000
Công ty TNHH Xây dựng và Trang trí Nội thất Thăng Long	-	499.860.000
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Đạt Phát	388.701.500	172.738.500
Công ty Cổ phần đầu tư bất động sản Minh Phương	804.645.678	1.055.801.653
Công ty TNHH MTV Thương mại Linh Thuận Phát	282.069.000	170.164.900
Công ty TNHH thương mại và vận tải KTC	49.561.600	61.899.200
Công ty TNHH dịch vụ bảo vệ Trường Anh	77.000.000	77.000.000
Các nhà cung cấp khác	1.001.371.353	365.531.677
	11.284.698.958	8.798.497.795

Khoản phải trả thương mại đối với công ty mẹ và các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính Quý III năm 2020**  
**kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	1/7/2020 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã bù trừ trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	30/9/2020 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	4.535.751.500	4.535.751.500		
Thuế thu nhập cá nhân	251.316.960	206.879.230		44.684.832	413.511.358
Các loại thuế khác	-				
	251.316.960	4.742.630.730	4.535.751.500	44.684.832	413.511.358

**16. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	30/9/2020 VND	1/7/2020 VND
Trích trước lãi vay phải trả	840.521.922	1.177.738.386
<i>Công ty Cổ phần Container Việt Nam</i>	<i>741.282.057</i>	<i>782.332.353</i>
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam</i>	<i>99.239.865</i>	<i>395.406.033</i>
Chi phí hoa hồng	1.388.394.675	1.317.471.750
Chi phí phải trả khác	196.124.497	444.920.126
	2.425.041.094	2.940.130.262

17. **Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ kế toán kết thúc ngày	
	30/9/2020	30/9/2019
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	3.076.705.000	2.100.080.000
Trích lập trong kỳ		
Sử dụng trong kỳ	1.187.900.000	610.000.000
Số dư cuối kỳ	1.888.805.000	1.490.080.000

**Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính Quý III năm 2020**  
**kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**18. Vay**

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/9/2020 VND	1/1/2020 VND
Công ty Cổ phần Container Việt Nam – Công ty mẹ (i)	VND	5,6%	2022 - 2023	34.222.222.222	44.000.000.000
Công ty Cổ phần Container Việt Nam – Công ty mẹ (i)	VND	6,0%	2022 - 2023	16.622.222.223	20.777.777.778
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng (ii)	VND			-	31.663.712.622
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng				50.844.444.445 (6.274.074.074)	96.441.490.400 (20.207.407.407)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng				44.570.370.371	76.234.082.993

- (i) Các khoản vay từ Công ty mẹ không được đảm bảo.  
 (ii) Các khoản vay từ ngân hàng được đảm bảo như trình bày tại Thuyết minh 11.



Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh  
Thuyết minh báo cáo tài chính Quý III năm 2020  
kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019</b>	121.200.000.000	-	40.895.122.402	162.095.122.402
Lợi nhuận thuần trong kỳ			42.666.624.475	42.666.624.475
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi			(2.500.000.000)	(2.500.000.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển		38.395.122.402	(38.395.122.402)	
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 9 năm 2019</b>	121.200.000.000	38.395.122.402	42.666.624.475	202.261.746.877
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020</b>	121.200.000.000	38.395.122.402	42.666.624.475	202.261.746.877
Lợi nhuận thuần trong kỳ			32.235.997.404	32.235.997.404
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi			(2.500.000.000)	(2.500.000.000)
Trả cổ tức năm 2019			(12.120.000.000)	(12.120.000.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển		28.046.624.475	(28.046.624.475)	
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 9 năm 2020</b>	121.200.000.000	66.441.746.877	32.235.997.404	219.877.744.281

**Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính Quý III năm 2020**  
**kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**20. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	<b>30/9/2020 và 1/1/2020</b>	
	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>VND</b>
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	12.120.000	121.200.000.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b> Cổ phiếu phổ thông	12.120.000	121.200.000.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b> Cổ phiếu phổ thông	12.120.000	121.200.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Chi tiết các cổ đông của Công ty như sau:

	<b>30/9/2020 và 1/1/2020</b>	
	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>Tỷ lệ</b>
Công ty Cổ phần Container Việt Nam	8.040.000	66,34%
Các cá nhân khác	4.080.000	33,66%
	12.120.000	100,00%

**Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính Quý III năm 2020**  
**kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**21. Doanh thu cung cấp dịch vụ**

	Kỳ quý 3 kết thúc ngày	
	30/9/2020	30/9/2019
	VND	VND
Dịch vụ xếp dỡ, nâng hạ container	40.583.875.300	45.304.344.366
Dịch vụ sửa chữa container	3.156.832.090	7.394.587.192
Dịch vụ khác	1.631.207.843	2.840.165.015
	<hr/>	<hr/>
	45.371.915.233	55.539.096.573
	<hr/>	<hr/>

**22. Chi phí bán hàng**

	Kỳ quý 3 kết thúc ngày	
	30/9/2020	30/9/2019
	VND	VND
Chi phí cho hãng tàu	5.161.921.350	1.079.418.000
Chi phí bán hàng khác	226.175.113	1.620.913.408
	<hr/>	<hr/>
	5.388.096.463	2.700.331.408
	<hr/>	<hr/>

**23. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ quý 3 kết thúc ngày	
	30/9/2020	30/9/2019
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	608.200.000	703.947.152
Chi phí vật liệu văn phòng		
Chi phí khấu hao	203.800.382	241.710.154
Chi phí dịch vụ mua ngoài		
Chi phí bằng tiền khác	100.458.117	52.575.000
	<hr/>	<hr/>
	912.458.499	998.232.306
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính Quý III năm 2020**  
**kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**24. Chi phí kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ quý 3 kết thúc ngày	
	30/9/2020	30/9/2019
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	5.174.266.000	6.082.386.000
Chi phí nhân công	5.908.857.593	6.666.574.147
Chi phí khấu hao và phân bổ	6.602.819.317	6.480.374.260
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.854.983.850	16.946.010.751
Chi phí khác	5.274.235.305	1.167.590.526
	<b>29.815.162.065</b>	<b>37.342.935.684</b>

**25. Thuế thu nhập**

**(a) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	Kỳ quý 3 kết thúc ngày	
	30/9/2020	30/9/2019
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	10.542.068.419	13.184.875.654
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	1.054.206.412	1.318.487.565
Chi phí không được khấu trừ thuế	(1.054.206.412)	(1.318.487.565)
Ưu đãi thuế	-	-

**(b) Thuế suất áp dụng**

Theo các chính sách ưu đãi đầu tư vào khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế (năm 2017) và mức thuế suất thông thường cho các năm tiếp theo. Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2017 đến năm 2020) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2021 đến năm 2029).

Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất thông thường là 20%.

**26. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

**(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

	Kỳ quý 3 kết thúc ngày	
	30/9/2020	30/9/2019
	VND	VND
Lợi nhuận thuần trong kỳ	10.542.068.419	13.184.875.654
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)		
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	10.542.068.419	13.184.875.654

(\*) Cho mục đích tính toán lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông, Công ty không trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm 2020.

**(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

	Kỳ quý 3 kết thúc ngày	
	30/9/2020	30/9/2019
	VND	VND
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước mang sang	12.120.000	12.120.000
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành trong kỳ		
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong kỳ	12.120.000	12.120.000



**Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính Quý III năm 2020**  
**kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**27. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	30/9/2020	30/9/2019
	VND	VND
<b>Công ty mẹ</b>		
<b>Công ty Cổ phần Container Việt Nam</b>		
Cung cấp dịch vụ	8.195.230	639.954.908
Mua hàng hóa	3.262.669.207	4.581.075.320
Mua dịch vụ	-	-
Chi phí lãi vay	976.379.662	1.252.332.971
Nhận khoản vay dài hạn	-	-
Trả gốc vay	6.274.074.074	4.000.000.000
<b>Các công ty liên quan</b>		
<b>Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP</b>		
Cung cấp dịch vụ	19.125.991.852	20.892.071.223
Mua dịch vụ	4.019.157.368	7.737.090.425
<b>Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh</b>		
Cung cấp dịch vụ	6.588.834.843	211.821.717
Mua dịch vụ	2.794.174.240	322.247.200
<b>Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao Xanh</b>		
Cung cấp dịch vụ	1.514.070.800	2.517.341.730
Mua dịch vụ	306.218.550	394.936.355
<b>Công ty Cổ phần Container Miền Trung</b>		
Thanh lý tài sản cố định	-	-
<b>Ban Giám đốc</b>		
Tiền lương và thưởng	182.000.000	204.863.914

**Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính Quý III năm 2020**  
**kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a - DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**28. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 và cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019 lần lượt được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và báo cáo tài chính giữa niên độ tại ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019 của Công ty.

Ngày 16 tháng 10 năm 2020

Người lập:



Nguyễn Thị Minh Lan  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Hoàng Tiến Lục  
Giám đốc

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ DỊCH VỤ  
VÀ PHÁT TRIỂN XANH**

Số: 13/2020-GIC

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

*Độc lập - Tự do - Hạnh phúc*

Hải phòng, ngày 20 tháng 10 năm 2020

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước**

Căn cứ vào các quy định công bố thông tin của công ty đại chúng, Công ty cổ phần Đầu tư dịch vụ và Phát triển Xanh (mã chứng khoán: GIC) xin giải trình về việc Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh quý 3 năm 2020 so với báo cùng kỳ năm trước có biến động từ 10% trở lên trên Báo cáo tài chính như sau:

*Đơn vị tính: đồng*

Stt	Chỉ tiêu	Quý 3 năm 2020	Quý 3 năm 2019	Chênh lệch giảm	Tỷ lệ giảm (%)
1	Lợi nhuận sau thuế TNDN	10.542.068.419	13.184.875.654	2.642.807.235	20

Nguyên nhân chủ yếu:

Do ảnh hưởng của dịch Covid-19 dẫn tới sản lượng khai thác giảm làm cho doanh thu và lợi nhuận của Công ty giảm. Đây là nguyên nhân chính làm lợi nhuận sau thuế quý 3 năm 2020 trên Báo cáo tài chính giảm 2.642.807.235 đồng, tương ứng giảm 20% so với cùng kỳ năm trước.

Trân trọng!

**ĐẠI DIỆN TÓ CHỨC  
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**



**HOÀNG TIẾN LỤC**

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu TC-TTH